

Bản án số: 07/2018/HSST

Ngày: 27-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hán Văn Nhuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Minh - (Giáo Viên), Phó giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp huyện N, tỉnh N.

2. Ông Lê Quang Chính – Giám đốc trung tâm Văn hóa huyện N, tỉnh N.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khánh Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Đồng Mây Hồng Trúng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2018/HSST, ngày 07 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T(Cu), sinh ngày 15 tháng 5 năm 2000, tại tỉnh N.

Nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn P, huyện N, tỉnh N; số CMND: không; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Q, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Mai Thị B, sinh năm 1961.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 27-4-2016 bị Công an thị trấn P, huyện N xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi cưỡng đoạt tài sản.

- Ngày 13-4-2017 bị Công an thị trấn P, huyện N xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Ngày 22-11-2017 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N xử phạt 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo trình diện thi hành bản án hình sự ngày 05/01/2018, theo quyết định thi hành án hình sự số 58/2017/QĐ - CA, ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N. Hiện đang thi hành án hình sự tại trại tạm giam Công an tỉnh N – Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh Thiện: Ông Lưu Văn Hy, Trợ giúp viên Pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N.(Có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thanh T: Bà Mai Thị B, sinh năm 1961 là mẹ ruột của Nguyễn Thanh T. Trú tại: Khu phố 4, thị trấn P, huyện N, tỉnh N. (Có mặt)

Bà Mai Thị B ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992, Trú tại: Khu phố 4, thị trấn P, huyện N, tỉnh N. (Có mặt)

Người bị hại: Anh Kiều Vĩnh K, sinh ngày 01/6/2000, trú tại: Khu phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh N. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Kiều Vĩnh K: Ông Kiều T, sinh năm 1963 (là cha ruột của bị hại). (Có mặt)

Trú tại: Khu phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 14-11-2017, Nguyễn Thanh T đi vào quán Internet Bích Hà ở khu phố 5, thị trấn P, huyện N tìm kiếm tài sản để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. Khi vào bên trong quán, T thấy Kiều Vĩnh K, sinh ngày 01/6/2000 trú tại khu phố 6, thị trấn P đang ngồi chơi game, trên bàn có để một điện thoại di động hiệu OPPO A37 Gold màu vàng đồng, mặt sau có 01 tờ đô la Mỹ mảnh giá 01 USD thì nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên T đến hỏi K “Điện thoại còn tiền không cho mượn gọi cái”. Thấy T hỏi mượn, K lấy điện thoại đưa cho T mượn và hỏi “Mượn bao lâu” thì T nói “Mượn khoảng 15 phút”. Sau khi nhận được điện thoại từ K, T cầm điện thoại đi ra khỏi quán, nhanh chóng cài đặt điện thoại ở chế độ máy bay để K không gọi được rồi mang điện thoại trên về nhà T ở khu phố 4, thị trấn P, huyện N. K không thấy T trả điện thoại, K mượn điện thoại của bạn gọi vào số điện thoại của mình nhưng không liên lạc được nên ngày 15/11/2017, K đến Công an thị trấn P trình báo.

Đến chiều ngày 16/11/2017, T mang chiếc điện thoại chiếm đoạt được đến tiệm điện thoại của anh Đặng Đình N, sinh năm 1974 ở khu phố 1, thị trấn P bán với giá 1.400.000 đồng. Sau đó, anh N bán cho một người không rõ tên, địa chỉ với giá 1.500.000 đồng.

Tại biên bản định giá tài sản số 107/BB-ĐGTS, ngày 24/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A37 Gold có giá trị là 3.125.500 đồng.

Biên bản làm việc ngày 10/01/2018, Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh N xác định tỷ giá Đô la Mỹ và đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 14/11/2017 là: 01 USD = 22.466 VNĐ.

Về dân sự: Anh Kiều Vĩnh K yêu cầu Nguyễn Thanh T phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại là 3.125.500 đồng.

Về vật chứng của vụ án: 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A37 Gold màu vàng đồng và 01 USD. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không thu hồi được.

Tại cáo trạng số 07/CT-VKS- HS, ngày 02-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa thay đổi tội danh truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, với lý do hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ngang bằng nhau. Tuy nhiên, nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 nhẹ hơn, nhân đạo hơn, có lợi hơn so với quy định tại Điều 69 Bộ luật hình sự năm 1999, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 nên áp dụng: Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999), điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tổng hợp hình phạt 09 (Chín) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST, ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N. Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T (Cu) phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Áp dụng: Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 Buộc Mai Thị B phải bồi thường 3.125.500 đồng cho Kiều Vĩnh K.

Ngày 13/3/2018 bà Mai Thị B (Nộp thay Nguyễn Thanh T) 1.000.000 đồng để bồi thường cho Kiều Vĩnh K theo biên lai số 001333 ngày 13/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh N.

Đối với anh Trương Đình N là người mua điện thoại từ bị cáo Nguyễn Thanh T nhưng không biết bị cáo T chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là có căn cứ.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với chứng cứ, tài liệu thu thập tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999). Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đối với bị cáo Nguyễn Thanh T là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Bị cáo Nguyễn Thanh T là người trực tiếp dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 điện thoại di động và 01 USD của Kiều Vĩnh K với giá trị tổng cộng là 3.147.966 đồng.

[4]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh T là nguy hiểm cho xã hội vì không những xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, để răn đe, giáo dục và góp phần phòng ngừa chung.

Vị Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T đồng tình quan điểm của kiểm sát viên phát biểu luận tội, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng với pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T với mức hình phạt thấp nhất; Hội đồng xét xử xem xét trong khi lượng hình.

Xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Nguyễn Thanh T, trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo; bị cáo tác động gia đình khắc phục hậu quả 1.000.000 đồng; tại thời điểm phạm tội và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thanh T vẫn còn ở độ tuổi chưa thành niên (chưa đủ 18 tuổi) nên việc nhận thức về pháp luật còn hạn chế, tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét nhân thân bị cáo Nguyễn Thanh T: Ngày 27-4-2016 bị Công an thị trấn P, huyện N xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi cưỡng đoạt tài sản. Ngày 13-4-2017 bị Công an thị trấn P, huyện N xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi lừa dối chiếm đoạt tài sản. Ngày 22-11-2017 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N xử phạt 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Xét tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, hậu quả và nhân thân bị cáo Nguyễn Thanh T. Hội đồng xét xử cần phải cách ly bị cáo T ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo T có điều kiện cải tạo, học tập trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội sau này.

Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm để tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST, ngày 22/11/2017 của

Toà án nhân dân huyện N đối với bị cáo Nguyễn Thanh T (Cu), để quyết định hình phạt chung của 02 bản án.

Về việc bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại anh Kiều Vĩnh K yêu cầu Nguyễn Thanh T phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại là 3.125.500 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Kiều Vĩnh K không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh T bồi thường 01 USD (Đô la Mỹ); Hội đồng xét xử chấp nhận không xét đến.

Ngày 13/3/2018 bà Mai Thị Bảy (Nộp thay Nguyễn Thanh T) 1.000.000 đồng để bồi thường cho anh Kiều Vĩnh K theo biên lai số 001333 ngày 13/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh N.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Trong quá trình điều tra bị cáo và người bị hại đã thoả thuận với nhau về việc bồi thường 3.125.500 đồng. Theo điểm f Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định trước khi mở phiên tòa, đương sự, bị cáo thoả thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án nghi nhận việc bồi thường thiệt hại thì họ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với anh Trương Đình N là người mua điện thoại từ bị cáo Nguyễn Thanh T nhưng không biết bị cáo T chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý; Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh T (Cu) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999); điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T (Cu) 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tổng hợp hình phạt 09 (Chín) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST, ngày 22/11/2017 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N. Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T(Cu) phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 (Mười lăm) tháng tù, Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày trình diện thi hành án hình sự ngày 05/01/2018; theo quyết định thi hành án hình sự số 58/2017/QĐ - CA, ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Công nhận sự thoả thuận của bị cáo và người bị hại. Buộc bà Mai Thị B (Mẹ của bị cáo) phải bồi thường cho anh Kiều Vĩnh K 3.125.500 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng bà Mai Thị B (Nộp thay bị cáo Nguyễn Thanh T) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh N theo biên lai số 001333 ngày 13/3/2018, để bồi thường cho anh Kiều Vĩnh K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

“...Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh T (Cu) phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị báo và người đại diện hợp pháp cho bị hại. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- Công an huyện Ninh Phước;
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hán Văn Nhuận

